

Số: /QĐ-TQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG QUỐC TẾ

Căn cứ Quyết định số 3868/QĐ-ĐHQGHN ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) về việc thành lập Trường Quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 1958/QĐ-ĐHQGHN ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc ĐHQGHN về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Quốc tế;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT) ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Công văn số 2304/BGDĐT-GDDH ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng 2026;

Căn cứ Quyết định số 955/QĐ-ĐHQGHN ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc ĐHQGHN về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học tại ĐHQGHN;

Căn cứ Công văn số 1986/ĐHQGHN-ĐT&CTSV ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc ĐHQGHN về việc hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh đại học chính quy năm 2026;

Quyết định số 2253/QĐ-ĐHQGHN ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc ĐHQGHN về việc giao số lượng tuyển sinh đại học chính quy năm 2026;

Căn cứ Công văn số 946/TQT-TT&TS ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Quốc tế về việc Báo cáo Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Truyền thông và Tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2026 của Trường Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Truyền thông và Tuyển sinh, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (để b/c);
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TT&TS, H(2).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phùng Danh Thắng
Chủ tịch HĐTS đại học năm 2026

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

(Hình thức đào tạo: đại học chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị đào tạo: Trường Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mã đơn vị đào tạo trong tuyển sinh: QHQ

3. Địa chỉ các trụ sở:

- Cơ sở Xuân Thủy: Nhà E5 & G7, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội;
- Cơ sở Phan Tây Nhạc: Số 1, Phố Phan Tây Nhạc, Xuân Phương, Hà Nội;
- Cơ sở Hoà Lạc: Toà nhà HT1, Khu đô thị Đại học Quốc gia Hà Nội, Hoà Lạc, Hà Nội.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <http://www.is.vnu.edu.vn>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0983372988 | 0379884488 | 0989106633 | 0866053336 | 0866753338.

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh: <https://bit.ly/quychetuyensinhDHCQ>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các chương trình đào tạo, phương thức, trình độ đào tạo ngành...): <https://bit.ly/thongtinCSDT>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Người dự tuyển, điều kiện dự tuyển

(1) Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức, bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam (THN) hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, THN do các đơn vị chức năng xác định;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

(2) Người dự tuyển quy định tại khoản (1) mục này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đạt ngưỡng đầu vào của chương trình đào tạo theo quy định;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

(3) Trường Quốc tế có quy định cụ thể về đối tượng, hồ sơ, trình tự, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh.

(4) Thí sinh là người khuyết tật nặng có khả năng theo học một số chương trình đào tạo do cơ sở đào tạo quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường được Trường Quốc tế tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh đăng ký dự tuyển vào các ngành đào tạo phù hợp với năng lực và điều kiện sức khỏe;

(5) Thí sinh là người nước ngoài tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đáp ứng yêu cầu tuyển sinh của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) và của ĐHQGHN được đăng ký xét tuyển vào Trường Quốc tế theo quy định của Bộ GDĐT và của ĐHQGHN.

(6) Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp THPT, THN ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ tương đương với trình độ THPT, THN của Việt Nam phải có kết quả học tập hằng năm đạt tối thiểu 60/100 điểm, trong đó có kết quả 3 môn (bắt buộc có môn Toán hoặc Ngữ văn) theo các tổ hợp quy định của chương trình đào tạo tương ứng bảo đảm mức điểm mỗi môn đạt tối thiểu 60/100, kết hợp với kiểm tra kiến thức chuyên môn và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo được đăng ký xét tuyển vào Trường Quốc tế theo quy định của Bộ GDĐT và của ĐHQGHN.

2. Số lượng tuyển sinh

Năm 2026, Trường Quốc tế tuyển sinh 1350 chỉ tiêu cho 15 chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

| STT | Mã xét tuyển | Chương trình đào tạo | Mã ngành | Tên ngành | Số lượng | Phương thức tuyển sinh |
|----------|--|---------------------------------|----------|----------------------------|----------|-------------------------------|
| I | Các chương trình do ĐHQGHN cấp bằng/đồng cấp bằng | | | | | |
| 1 | QHQ01 | Kinh doanh quốc tế | 7340120 | Kinh doanh quốc tế | 170 | Chi tiết quy định tại mục 3.1 |
| 2 | QHQ02 | Kế toán, Phân tích và Kiểm toán | 7340301 | Kế toán | 140 | |
| 3 | QHQ03 | Hệ thống thông tin quản lý | 7340405 | Hệ thống thông tin quản lý | 100 | |
| 4 | QHQ04 | Tin học và Kỹ thuật máy tính | 7480106 | Kỹ thuật máy tính | 80 | |
| 5 | QHQ05 | Phân tích dữ liệu kinh doanh | 7460108 | Khoa học dữ liệu | 110 | |

| STT | Mã xét tuyển | Chương trình đào tạo | Mã ngành | Tên ngành | Số lượng | Phương thức tuyển sinh | |
|-------------|--|--|----------|------------------------------------|-------------|-------------------------------|-------------------------------|
| 6 | QHQ06 | Marketing (ĐHQGHN và trường đại học HELP, Malaysia cùng cấp bằng) | 7340115 | Marketing | 70 | Chi tiết quy định tại mục 3.1 | |
| 7 | QHQ07 | Quản lý (ĐHQGHN và trường đại học Keuka, Hoa Kỳ cùng cấp bằng) | 7340101 | Quản trị kinh doanh | 40 | | |
| 8 | QHQ08 | Tự động hóa và Tin học | 7520216 | Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa | 100 | | |
| 9 | QHQ09 | Ngôn ngữ Anh | 7220201 | Ngôn ngữ Anh | 100 | | |
| 10 | QHQ10 | Công nghệ thông tin ứng dụng | 7480201 | Công nghệ thông tin | 100 | | |
| 11 | QHQ11 | Công nghệ tài chính và Kinh doanh số | 7340205 | Công nghệ tài chính | 90 | | |
| 12 | QHQ12 | Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics | 7520118 | Kỹ thuật hệ thống công nghiệp | 70 | | |
| 13 | QHQ13 | Kinh doanh số | 7340122 | Thương mại điện tử | 60 | | |
| 14 | QHQ14 | Truyền thông số | 7320106 | Công nghệ truyền thông | 60 | | |
| II | Chương trình do đối tác nước ngoài cấp bằng | | | | | | |
| 1 | QHQ80 | Quản lý (chương trình liên kết quốc tế do ĐH Keuka, Hoa Kỳ cấp bằng) | 7340108 | Quản lý | 60 | | Chi tiết quy định tại mục 3.2 |
| TỔNG | | | | | 1350 | | |

Bảng 1: Số lượng tuyển sinh vào Trường Quốc tế năm 2026

3. Phương thức tuyển sinh và điều kiện dự tuyển

3.1. Các chương trình do ĐHQGHN cấp bằng/đồng cấp bằng

3.1.1. Phương thức tuyển sinh

| STT | Phương thức tuyển sinh | Mã phương thức xét tuyển |
|-----|---|--------------------------|
| 1 | Xét tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GDĐT (Điều 8) | 301 |
| 2 | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 | 100 |
| 3 | Xét chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (CCTA) kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 | 409 |
| 4 | Xét kết quả thi Đánh giá năng lực học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức (HSA) | 401 |

3.1.2. Điều kiện dự tuyển chung

* **Số nguyện vọng đăng ký:** Thí sinh được đăng ký tối đa 15 nguyện vọng

* **Thời hạn chứng chỉ, kết quả, giải thưởng (dùng trong xét tuyển và điểm cộng)**

| STT | Kết quả thi/chứng chỉ/giải thưởng | Thời hạn |
|-----|--|--|
| 1 | Các chứng chỉ tiếng Anh, SAT, ACT, A-Level và kết quả thi HSA | Còn thời hạn sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm tính từ ngày dự thi đến ngày đăng ký xét tuyển. |
| 2 | Các giải thưởng sử dụng trong xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển | Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng. |

* **Yêu cầu của chứng chỉ tiếng Anh quốc tế**

| STT | Nội dung | IELTS (Academic) | TOEFL |
|-----|-----------------------------|---|-----------------------------------|
| 1 | Đơn vị cấp chứng chỉ | - British Council (BC) - International Development Program (IDP) | Educational Testing Service (ETS) |
| 2 | Hình thức thi của chứng chỉ | - Chứng chỉ ngoại ngữ phải đủ 4 kỹ năng; - Thí sinh không sử dụng chứng chỉ tiếng Anh thi trực tuyến để đăng ký xét tuyển. | |

*** Điều kiện phụ tiếng Anh:** Thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành do ĐHQGHN cấp bằng/đồng cấp bằng cần đáp ứng **một (01) trong các điều kiện tiếng Anh** sau đây:

| STT | Tiêu chí | Điều kiện phụ môn tiếng Anh | |
|-----|--|---|---|
| | | Đối với các ngành có MXT: QHQ01, QHQ02, QHQ03, QHQ05, QHQ06, QHQ07, QHQ09, QHQ13, QHQ14 | Đối với các ngành có MXT: QHQ04, QHQ08, QHQ10, QHQ11, QHQ12 |
| 1 | Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 môn tiếng Anh | Đạt tối thiểu 6,0 điểm (theo thang điểm 10) | Đạt tối thiểu 5,0 điểm (theo thang điểm 10) |
| 2 | Điểm trung bình chung kết quả học tập môn tiếng Anh cả năm các lớp 10,11, 12 | Đạt tối thiểu 7,0 điểm (theo thang điểm 10) | |
| 3 | Kết quả thi môn tiếng Anh trong kỳ thi HSA (tổ hợp Q21) | Đạt tối thiểu 30/50 điểm trở lên | |
| 4 | Chứng chỉ tiếng Anh | Có chứng chỉ tiếng Anh đạt điều kiện miễn thi theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành | |

Bảng 2: Điều kiện phụ đối với các chương trình do ĐHQGHN cấp bằng/đồng cấp bằng

3.1.3. Điều kiện dự tuyển theo từng phương thức tuyển sinh

| STT | Phương thức tuyển sinh | Điều kiện dự tuyển |
|-----|--|--|
| 1 | Xét tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GDĐT (Điều 8) | - Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026 (hoặc tương đương) và đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi đạt giải (môn thi thuộc các tổ hợp xét tuyển của nhà trường); Đặc biệt: Thí sinh thuộc đối tượng được xét tuyển thẳng vào Trường Quốc tế năm 2026 được xét cấp học bổng đầu vào trị giá lên tới 100% học phí toàn khóa học. |
| 2 | Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 | Thí sinh có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHQGHN quy định được đăng ký xét tuyển (ĐKXT) vào các ngành đào tạo của Trường Quốc tế với các mã xét tuyển và tổ hợp xét tuyển quy định tại bảng 4. Điểm xét tuyển = Tổng điểm 03 môn + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có) |

| STT | Phương thức tuyển sinh | Điều kiện dự tuyển |
|-----|---|--|
| 3 | Xét chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 | <p>Thí sinh có tổng điểm quy đổi từ chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS Academic từ 5.5 hoặc TOEFL iBT từ 72 điểm trở lên) và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 của 2 môn còn lại (trừ môn tiếng Anh) trong tổ hợp xét tuyển tương ứng của ngành đào tạo (bảng 4) đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHQGHN quy định.</p> <p>Điểm xét tuyển = Điểm CCTA quy đổi (bảng 6) + Điểm 2 môn còn lại + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)</p> |
| 4 | Xét kết quả thi Đánh giá năng lực học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức | <p>Thí sinh có kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHQGHN quy định.</p> <p>Điểm xét tuyển = Điểm HSA quy đổi + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)</p> |

Bảng 3: Điều kiện dự tuyển đối với các chương trình do ĐHQGHN cấp bằng/đồng cấp bằng

| STT | Trình độ đào tạo | Mã ngành | Mã xét tuyển | Chương trình đào tạo | Tổ hợp xét tuyển |
|-----|------------------|----------|--------------|---------------------------------|-----------------------------------|
| 1 | Đại học | 7340120 | QH01 | Kinh doanh quốc tế | A00, A01, D01, D07, C01, C02 |
| 2 | Đại học | 7340301 | QH02 | Kế toán, Phân tích và Kiểm toán | A00, A01, D01, D07, C01, C02 |
| 3 | Đại học | 7340405 | QH03 | Hệ thống thông tin quản lý | A00, A01, D01, C01, C02, X26 |
| 4 | Đại học | 7480106 | QH04 | Tin học và Kỹ thuật máy tính | A00, A01, D01, D07, C01, X02, X26 |
| 5 | Đại học | 7460108 | QH05 | Phân tích dữ liệu kinh doanh | A00, A01, D01, C01, C02, X26 |
| 6 | Đại học | 7340115 | QH06 | Marketing (đồng cấp bằng) | A00, A01, D01, D09, C01, C02 |
| 7 | Đại học | 7340101 | QH07 | Quản lý (đồng cấp bằng) | A00, A01, D01, D09, C01, C02 |
| 8 | Đại học | 7520216 | QH08 | Tự động hóa và Tin học | A00, A01, D01, D07, C01, X02, X26 |

| STT | Trình độ đào tạo | Mã ngành | Mã xét tuyển | Chương trình đào tạo | Tổ hợp xét tuyển |
|-----|------------------|----------|--------------|--|-----------------------------------|
| 9 | Đại học | 7220201 | QH09 | Ngôn ngữ Anh | A01, D01, D07, D08, D09, D10 |
| 10 | Đại học | 7480201 | QH10 | Công nghệ thông tin ứng dụng | A00, A01, D01, D07, C01, X02, X26 |
| 11 | Đại học | 7340205 | QH11 | Công nghệ tài chính và Kinh doanh số | A00, A01, D01, C01, C02, X26 |
| 12 | Đại học | 7520118 | QH12 | Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics | A00, A01, D01, D07, C01, X02, X26 |
| 13 | Đại học | 7340122 | QH13 | Kinh doanh số | A00, A01, D01, D07, C01, C02 |
| 14 | Đại học | 7320106 | QH14 | Truyền thông số | A00, A01, D01, D07, C01, C02 |

Lưu ý: Đối với các ngành có mã xét tuyển QH04, QH08, QH10, QH12 thí sinh phải có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 môn Toán đạt tối thiểu 6,0 điểm (*theo thang điểm 10*) nếu sử dụng tổ hợp D01 để đăng ký xét tuyển.

Bảng 4: Tổ hợp xét tuyển vào Trường Quốc tế năm 2026

| Bảng mã tổ hợp xét tuyển | | | |
|------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| A00: Toán, Vật lý, Hóa học | C02: Toán, Ngữ văn, Hóa học | D08: Toán, Tiếng Anh, Sinh học | X02: Toán, Ngữ văn, Tin học |
| A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh | D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh | D09: Toán, Tiếng Anh, Lịch sử | X26: Toán, Tiếng Anh, Tin học |
| C01: Toán, Ngữ văn, Vật lý | D07: Toán, Tiếng Anh, Hóa học | D10: Toán, Tiếng Anh, Địa lý | |

Bảng 5: Bảng mã tổ hợp xét tuyển

| STT | Trình độ tiếng Anh | | Mức điểm quy đổi sang thang điểm 10 |
|-----|--------------------|-----------|-------------------------------------|
| | IELTS Academic | TOEFL iBT | |
| 1 | 5.5 | 72-78 | 8,0 |
| 2 | 6.0 | 79-87 | 8,5 |

| STT | Trình độ tiếng Anh | | Mức điểm quy đổi sang thang điểm 10 |
|-----|--------------------|-----------|-------------------------------------|
| | IELTS Academic | TOEFL iBT | |
| 3 | 6.5 | 88-95 | 9,0 |
| 4 | 7.0 | 96-101 | 9,5 |
| 5 | 7.5-9.0 | 102-120 | 10 |

Bảng 6: Bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế sang thang điểm 10

3.1.4. Điều kiện tuyển sinh chương trình tài năng

Trường Quốc tế tuyển sinh 20 chỉ tiêu chương trình đào tạo Kỹ sư tài năng Tự động hóa và Tin học với thông tin cụ thể như sau:

- Điều kiện dự tuyển:

+ Sinh viên đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia hoặc kỳ thi Olympic quốc tế các môn Toán, Vật lý, Tin học.

+ Sinh viên có tổng điểm các môn thuộc tổ hợp xét tuyển (bắt buộc có môn Toán và ít nhất 1 môn thuộc nhóm khoa học tự nhiên) bao gồm: A00, A01, D07, C01, X02, X26 đạt mức điểm của nhóm 20% thí sinh đạt điểm cao nhất toàn quốc trong cùng tổ hợp. Sinh viên được xét điểm thưởng (điểm cộng) theo quy định tại mục 5.1 với mức điểm thưởng tối đa là 5% tổng thang điểm xét tuyển.

+ Sinh viên có điểm trúng tuyển được quy đổi sang thang 30 theo quy định của Bộ GDĐT và của ĐHQGHN, đạt mức điểm của nhóm 20% thí sinh đạt điểm cao nhất toàn quốc trong cùng tổ hợp.

- **Yêu cầu ngoại ngữ:** Sinh viên xét tuyển hệ tài năng cần đáp ứng 01 trong các điều kiện ngoại ngữ sau đây:

+ Có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 môn Tiếng Anh đạt tối thiểu 6,5 điểm (theo thang điểm 10);

+ Có điểm trung bình chung môn Tiếng Anh 6 kỳ bậc THPT đạt tối thiểu 7,5 điểm (theo thang điểm 10);

+ Có chứng chỉ tiếng Anh thuộc danh mục đạt điều kiện miễn thi theo quy định của Bộ GDĐT, với mức điểm tương đương IELTS Academic từ 5.5 trở lên.

- Hình thức xét tuyển:

+ Xét tuyển hồ sơ của sinh viên đăng ký dự tuyển (từ tất cả các ngành) kết hợp phỏng vấn.

+ Sinh viên cần đạt yêu cầu phỏng vấn của nhà trường để đánh giá: (i) tư duy logic và năng lực Toán, (ii) hiểu biết cơ bản về tự động hóa/lập trình, (iii) động lực và định hướng nghề nghiệp.

3.2. Chương trình do đối tác nước ngoài cấp bằng

3.2.1. Phương thức tuyển sinh

| STT | Phương thức tuyển sinh |
|-----|--|
| 1 | Xét tuyển thẳng theo quy định của Trường Quốc tế và trường đối tác |
| 2 | Xét kết quả học tập bậc THPT (học bạ) |
| 3 | Xét kết quả thi Tốt nghiệp THPT năm 2026 |
| 4 | Xét kết quả thi Đánh giá năng lực học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức |
| 5 | Xét tuyển bằng chứng chỉ quốc tế (SAT, A-level) |

3.2.2. Điều kiện dự tuyển chung

Thí sinh phải đáp ứng đồng thời ba điều kiện sau:

Điều kiện 1: Đáp ứng điều kiện xét tuyển theo quy định cụ thể của một trong các phương thức xét tuyển (quy định chi tiết tại mục 3.2.3);

Điều kiện 2: Đáp ứng điều kiện tiếng Anh đầu vào theo quy định của chương trình (quy định chi tiết tại mục 10.2);

Điều kiện 3: Có kết quả đánh giá rèn luyện bậc THPT đạt loại Khá trở lên và đạt yêu cầu phỏng vấn do Trường Quốc tế tổ chức với mức điểm tối thiểu 15 điểm trên thang điểm 30.

Lưu ý: Xét tuyển theo nguyên tắc lấy từ cao xuống thấp theo từng đợt xét tuyển cho đến hết chỉ tiêu. Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định, hình thức xác nhận do Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) Trường Quốc tế quy định. Quá thời hạn quy định, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và HĐTS được xét tuyển thí sinh khác trong các đợt xét tuyển tiếp theo.

3.2.3. Điều kiện dự tuyển theo từng phương thức

| STT | Phương thức tuyển sinh | Điều kiện dự tuyển |
|-----|--|--|
| 1 | Xét tuyển thẳng theo quy định của Trường Quốc tế và trường đối tác | <i>Thí sinh đáp ứng đồng thời 02 điều kiện sau:</i> - Điều kiện 1: Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (CCTA) IELTS Academic từ 5.5 hoặc TOEFL iBT từ 72 điểm trở lên; - Điều kiện 2: <i>Đáp ứng 01 trong 03 tiêu chí sau:</i> (1) Có điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của 03 môn thuộc một trong 06 tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01, D09, C01, C02 đạt từ 8,0 trở lên (theo thang điểm 10); |

| STT | Phương thức tuyển sinh | Điều kiện dự tuyển |
|-----|--|---|
| | | <p>(2) Có kết quả kỳ thi đánh giá năng lực học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức đạt tối thiểu 70/150 điểm;</p> <p>(3) Có tổng điểm 2 môn thi còn lại (trừ môn tiếng Anh) thuộc 3 tổ hợp xét tuyển: D01, A01, D09 trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 đạt từ 12 điểm trở lên.</p> |
| 2 | <p>Xét kết quả học tập bậc THPT (học bạ)</p> | <p><i>Thí sinh đáp ứng đồng thời 02 điều kiện sau:</i></p> <p>- Điều kiện 1: Có điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của 03 môn thuộc một trong 06 tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01, D09, C01, C02 đạt từ 7,0 trở lên (theo thang điểm 10);</p> <p>- Điều kiện 2: <i>Đáp ứng 01 trong 03 tiêu chí sau:</i></p> <p>(1) Có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 môn tiếng Anh đạt từ 6,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10);</p> <p>(2) Có CCTA IELTS Academic từ 5.5 hoặc TOEFL iBT từ 72 điểm trở lên (hoặc tương đương);</p> <p>(3) Có điểm trung bình chung kết quả học tập môn tiếng Anh cả năm các lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,0 trở lên (theo thang điểm 10).</p> |
| 3 | <p>Xét kết quả thi Tốt nghiệp THPT năm 2026</p> | <p><i>Thí sinh đáp ứng đồng thời 02 điều kiện sau:</i></p> <p>- Điều kiện 1: Có kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 của một trong các tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01, D09, C01, C02 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường Quốc tế quy định năm 2026;</p> <p>- Điều kiện 2: <i>Đáp ứng 01 trong 03 tiêu chí sau:</i></p> <p>(1) Có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 môn tiếng Anh đạt từ 6,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10);</p> <p>(2) Có CCTA IELTS Academic từ 5.5 hoặc TOEFL iBT từ 72 điểm trở lên (hoặc tương đương);</p> <p>(3) Có điểm trung bình chung kết quả học tập môn tiếng Anh cả năm các lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,0 trở lên (theo thang điểm 10).</p> |
| 4 | <p>Xét kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức</p> | <p><i>Thí sinh đáp ứng đồng thời 02 điều kiện sau:</i></p> <p>- Điều kiện 1: Có kết quả kỳ thi đánh giá năng lực học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức đạt tối thiểu 70/150 điểm;</p> <p>- Điều kiện 2: <i>Đáp ứng 01 trong 04 tiêu chí sau:</i></p> <p>(1) Có kết quả thi môn tiếng Anh trong kỳ thi HSA đạt tối thiểu 30/50 điểm;</p> <p>(2) Có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 môn tiếng Anh đạt từ 6,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10);</p> |

| STT | Phương thức tuyển sinh | Điều kiện dự tuyển |
|-----|----------------------------------|--|
| | | (3) Có CCTA IELTS Academic từ 5.5 hoặc TOEFL iBT từ 72 điểm trở lên (hoặc tương đương); (4) Có điểm trung bình chung kết quả học tập môn tiếng Anh cả năm các lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,0 trở lên (theo thang điểm 10). |
| 5 | Xét tuyển bằng chứng chỉ quốc tế | - Chứng chỉ A-Level: Thí sinh có điểm chứng chỉ A-Level của tổ hợp kết quả 3 môn thi trong đó bắt buộc có môn Toán theo các tổ hợp quy định của ngành đào tạo tương ứng, đảm bảo mỗi môn đạt từ 60/100 điểm trở lên (tương đương điểm C, PUM range \geq 60). - Kết quả kỳ thi chuẩn hóa SAT: Thí sinh có kết quả kỳ thi chuẩn hóa SAT đạt từ 1100/1600 trở lên. Khi thi SAT, thí sinh cần khai báo mã đăng ký của ĐHQGHN với tổ chức thi SAT (The College Board) là 7853-Vietnam National University-Hanoi. |

Bảng 7: Điều kiện dự tuyển đối với chương trình do đối tác nước ngoài cấp bằng

4. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Ngưỡng đầu vào:

* Đối với các chương trình do ĐHQGHN cấp bằng/đồng cấp bằng, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được xác định căn cứ theo quy định của ĐHQGHN:

+ **Phương thức xét tuyển thẳng:** Ngưỡng đầu vào là điều kiện nộp hồ sơ của phương thức xét tuyển thẳng;

+ **Các phương thức còn lại:** Căn cứ ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHQGHN quy định, Trường Quốc tế sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT và của ĐHQGHN.

* Đối với chương trình do đối tác nước ngoài cấp bằng, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường Quốc tế và trường đối tác quy định.

- **Độ lệch điểm:** Trường Quốc tế sẽ công bố nguyên tắc quy đổi điểm trúng tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT và hướng dẫn của ĐHQGHN, thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

- **Điểm trúng tuyển** vào mỗi chương trình đào tạo tại Trường Quốc tế là duy nhất, áp dụng cho tất cả các phương thức xét tuyển và tổ hợp xét tuyển.

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Trường Quốc tế

5.1. Điểm cộng

Trường Quốc tế quy định mức điểm cộng (bao gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích) cho thí sinh khi đăng ký xét tuyển vào trường cụ thể như sau:

5.1.1. **Cộng điểm thưởng** cho các thí sinh đạt giải tại các kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia đáp ứng yêu cầu xét tuyển thẳng vào Trường Quốc tế nhưng không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng:

| STT | Giải thưởng | Điểm cộng |
|-----|-------------|-----------|
| 1 | Giải Nhất | 3 điểm |
| 2 | Giải Nhì | 2,5 điểm |
| 3 | Giải Ba | 2 điểm |

5.1.2. Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thí sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thí sinh đạt giải HSG bậc THPT cấp ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW được **ưu tiên xét tuyển** vào chương trình đào tạo phù hợp tại Trường Quốc tế theo hình thức cộng điểm (**điểm xét thưởng**) với mức điểm như sau:

| STT | Giải thưởng | Nhất | Nhì | Ba | Khuyến khích |
|-----|---|----------|--------|----------|--------------|
| 1 | Giải Học sinh giỏi cấp quốc gia/quốc tế | - | - | - | 1,5 điểm |
| 2 | Giải Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia/quốc tế | 1,5 điểm | 1 điểm | 0,5 điểm | 0,25 điểm |
| 3 | Giải Học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN | 1,5 điểm | 1 điểm | 0,5 điểm | 0,25 điểm |
| 4 | Giải Olympic bậc THPT của ĐHQGHN | 1,5 điểm | 1 điểm | 0,5 điểm | 0,25 điểm |
| 5 | Giải Học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW | 1,5 điểm | 1 điểm | 0,5 điểm | 0,25 điểm |

5.1.3. Thí sinh có CCTA IELTS Academic từ 5.5 hoặc TOEFL iBT từ 72 trở lên, nhưng không sử dụng chứng chỉ để quy đổi điểm môn tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển sẽ được cộng điểm (**điểm khuyến khích**) với mức điểm như sau:

| STT | IELTS Academic | TOEFL iBT | Điểm cộng |
|-----|----------------|-----------|-----------|
| 1 | 8.0 - 9.0 | 110 - 120 | 1,5 điểm |

| STT | IELTS Academic | TOEFL iBT | Điểm cộng |
|-----|----------------|-----------|-----------|
| 2 | 7.0 - 7.5 | 96 - 109 | 1,25 điểm |
| 3 | 5.5 - 6.5 | 72 - 95 | 1 điểm |

5.1.4. Thí sinh có chứng chỉ quốc tế SAT, ACT, A-Level được cộng điểm (**điểm khuyến khích**) với mức điểm như sau:

| STT | SAT | ACT | A-Level | Điểm cộng |
|-----|-------------------|---------------|---|-----------|
| 1 | 1520/1600 trở lên | 34/36 trở lên | 3 điểm A* trở lên | 1.5 điểm |
| 2 | 1440/1600 trở lên | 32/36 trở lên | 1 điểm A* trở lên + 2 điểm A trở lên | 1,25 điểm |
| 3 | 1376/1600 trở lên | 30/36 trở lên | 3 điểm A trở lên | 1 điểm |

Lưu ý chung cho mục 5.1:

- Tổng điểm cộng tối đa là 3 điểm, bao gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng và điểm khuyến khích trong đó, mức điểm thưởng tối đa là 3 điểm, mức điểm xét thưởng tối đa là 1,5 điểm, mức điểm khuyến khích tối đa là 1,5 điểm (thang điểm 30);

- Mỗi loại điểm thưởng, điểm xét thưởng và điểm khuyến khích chỉ được tính 01 lần và lấy theo mức điểm/thành tích cao nhất (trong trường hợp thí sinh có nhiều thành tích đủ điều kiện xét cộng điểm);

- Trường Quốc tế quy định mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa của thang điểm xét (30 điểm), nhưng không thí sinh nào có điểm xét (tính cả các loại điểm cộng, điểm ưu tiên) vượt quá mức điểm tối đa này.

- Thí sinh có thành tích, giải thưởng được cộng điểm theo quy định tại mục 5.1 có nguyện vọng quy đổi điểm cộng để xét tuyển cần nộp minh chứng về Trường Quốc tế theo thông báo cụ thể của nhà trường.

5.2. Điểm ưu tiên đối tượng/khu vực

Trường Quốc tế áp dụng mức điểm ưu tiên đối tượng và khu vực theo quy định tại Điều 7 của Quy chế tuyển sinh hiện hành, trong đó:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1,0 điểm;

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi theo thang điểm 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo quy định}$$

5.3. Nguyên tắc xét tuyển

- Đối với một chương trình đào tạo, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét và điểm trúng tuyển quy đổi tương đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, không phụ thuộc thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký;

- Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn;

- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30 và làm tròn đến hàng phần trăm.

5.4. Thông tin khác

| STT | Chương trình đào tạo | Ngôn ngữ đào tạo | Thời gian đào tạo | Địa điểm đào tạo* |
|-----|---------------------------------------|-------------------------|-------------------|---------------------|
| 1 | Kinh doanh quốc tế | Tiếng Anh | 4 năm | Cơ sở Phan Tây Nhạc |
| 2 | Kế toán, Phân tích và Kiểm toán | Tiếng Anh | 4 năm | Cơ sở Phan Tây Nhạc |
| 3 | Hệ thống thông tin quản lý | Tiếng Anh | 4 năm | Cơ sở Phan Tây Nhạc |
| 4 | Tin học và Kỹ thuật máy tính | Tiếng Anh | 4 năm | Cơ sở Hòa Lạc |
| 5 | Phân tích dữ liệu kinh doanh | Tiếng Anh | 4 năm | Cơ sở Phan Tây Nhạc |
| 6 | Marketing (đồng cấp bằng) | Tiếng Anh | 4 năm | Cơ sở Phan Tây Nhạc |
| 7 | Quản lý (đồng cấp bằng) | Tiếng Anh | 4 năm | Cơ sở Phan Tây Nhạc |
| 8 | Kỹ sư tài năng Tự động hóa và Tin học | Tiếng Anh | 5 năm | Cơ sở Phan Tây Nhạc |
| 9 | Tự động hóa và Tin học | Tiếng Anh và Tiếng Việt | 4,5 năm | Cơ sở Hòa Lạc |
| 10 | Ngôn ngữ Anh | Tiếng Anh | 4 năm | Cơ sở Xuân Thủy |
| 11 | Công nghệ thông tin ứng dụng | Tiếng Anh và Tiếng Việt | 4 năm | Cơ sở Hòa Lạc |

| STT | Chương trình đào tạo | Ngôn ngữ đào tạo | Thời gian đào tạo | Địa điểm đào tạo* |
|-----|--|-------------------------|-------------------|---------------------|
| 12 | Công nghệ tài chính và Kinh doanh số | Tiếng Anh và Tiếng Việt | 4 năm | Cơ sở Hòa Lạc |
| 13 | Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics | Tiếng Anh và Tiếng Việt | 4 năm | Cơ sở Hòa Lạc |
| 14 | Kinh doanh số | Tiếng Anh và Tiếng Việt | 4 năm | Cơ sở Phan Tây Nhạc |
| 15 | Truyền thông số | Tiếng Anh và Tiếng Việt | 4 năm | Cơ sở Phan Tây Nhạc |
| 16 | Quản lý (LKQT) | Tiếng Anh | 4 năm | Cơ sở Xuân Thủy |

Bảng 8: Một số thông tin cần trong tuyển sinh

* Địa điểm đào tạo có thể thay đổi theo tình hình thực tế dựa trên chiến lược phát triển của Trường Quốc tế và của ĐHQGHN.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Các chương trình do ĐHQGHN cấp bằng/đồng cấp bằng

- Trường Quốc tế tổ chức xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh chung năm 2026 của Bộ GDĐT và kế hoạch tuyển sinh của ĐHQGHN

- Hình thức tuyển sinh:

| STT | Phương thức tuyển sinh | Hình thức tuyển sinh |
|-----|--|--|
| 1 | Phương thức xét tuyển thẳng | Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo hình thức trực tuyến đồng thời trên hệ thống của Trường Quốc tế (http://ts.isvnu.vn) và trên hệ thống của Bộ GDĐT theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT. |
| 2 | Phương thức xét chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 | |
| 3 | Phương thức xét kết quả kỳ thi HSA | |
| 4 | Phương thức xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 | |

Lưu ý:

- Thời gian xét tuyển được cập nhật theo Hướng dẫn của Bộ GDĐT và được thông báo trên website chính thức của Trường Quốc tế - ĐHQGHN (<https://www.is.vnu.edu.vn>);

- Xét tuyển đợt bổ sung (nếu còn chỉ tiêu): Thời gian và quy định cụ thể xét tuyển của từng ngành học tương ứng sẽ được công bố trên website của ĐHQGHN và của Trường Quốc tế, dự kiến hoàn thành trước ngày 30/9/2026 (trừ đối tượng thí sinh quốc tế).

6.2. Chương trình do đối tác nước ngoài cấp bằng

Trường Quốc tế nhận đăng ký xét tuyển từ ngày 01/06/2026 cho đến khi đủ chỉ tiêu. Thời hạn tối đa nhận hồ sơ xét tuyển đến ngày 31/12/2026.

Hình thức đăng ký xét tuyển: Thí sinh nộp hồ sơ ĐKXT và lệ phí xét tuyển trực tuyến tại địa chỉ: <https://ts.isvnu.vn>

Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Trường Quốc tế (khai báo trực tuyến);
- Bản scan từ bản gốc Học bạ THPT hoặc tương đương;
- Bản scan từ bản gốc các minh chứng tương ứng với phương thức xét tuyển mà thí sinh đăng ký;
- Bản scan từ bản gốc Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu phổ thông;
- Bản scan từ bản gốc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT năm 2026 hoặc Bằng tốt nghiệp THPT đối với thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2026;
- Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT: nộp sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

7. Chính sách ưu tiên

Trường Quốc tế thực hiện chính sách ưu tiên tuyển sinh cho các đối tượng đáp ứng điều kiện xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy định của Bộ GDĐT và của ĐHQGHN. Các đối tượng thuộc chính sách ưu tiên tuyển sinh đại học chính quy năm 2026 được xét cấp học bổng trị giá 50% - 100% học phí toàn khóa học.

8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh

8.1. Các chương trình do ĐHQGHN cấp bằng/đồng cấp bằng

Thí sinh nộp lệ phí đăng ký xét tuyển theo hình thức trực tuyến/online trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GDĐT theo quy định chung.

8.2. Chương trình do đối tác nước ngoài cấp bằng

Thí sinh nộp lệ phí đăng ký xét tuyển 1.000.000 đồng/sinh viên theo hình thức trực tuyến/online trên hệ thống tuyển sinh <http://ts.isvnu.vn> theo hướng dẫn của Trường Quốc tế.

9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh

Trường Quốc tế cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo pháp luật hiện hành của Nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và của ĐHQGHN.

10. Các nội dung khác

10.1. Thông tin về học phí

| STT | Tên chương trình | Mức học phí dự kiến cho khóa tuyển sinh năm 2026 (ĐVT: VND) | | | | | Tổng học phí cả khóa (dự kiến) |
|----------|--|---|-------------|-------------|-------------|------------|--------------------------------|
| | | 2026-2027 | 2027-2028 | 2028-2029 | 2029-2030 | 2030-2031 | |
| 1 | Chương trình do ĐHQGHN cấp bằng | | | | | | |
| 1.1 | Kinh doanh quốc tế | 50.600.000 | 50.600.000 | 50.600.000 | 50.600.000 | - | 202.400.000 |
| 1.2 | Kế toán, Phân tích và Kiểm toán | 50.600.000 | 50.600.000 | 50.600.000 | 50.600.000 | - | 202.400.000 |
| 1.3 | Hệ thống thông tin quản lý | 48.000.000 | 48.000.000 | 48.000.000 | 48.000.000 | - | 192.000.000 |
| 1.4 | Tin học và Kỹ thuật máy tính | 48.000.000 | 48.000.000 | 48.000.000 | 48.000.000 | | 192.000.000 |
| 1.5 | Phân tích dữ liệu kinh doanh | 46.000.000 | 46.000.000 | 46.000.000 | 46.000.000 | | 184.000.000 |
| 1.6 | Ngôn ngữ Anh | 47.750.000 | 49.182.000 | 50.657.000 | 52.177.000 | | 199.766.000 |
| 1.7 | Tự động hóa và Tin học | 52.250.000 | 53.817.000 | 55.432.000 | 57.094.000 | 29.403.000 | 247.996.000 |
| 1.8 | Công nghệ thông tin ứng dụng | 52.250.000 | 53.817.000 | 55.432.000 | 57.094.000 | | 218.593.000 |
| 1.9 | Công nghệ tài chính và Kinh doanh số | 44.750.000 | 46.092.000 | 47.475.000 | 48.899.000 | | 187.216.000 |
| 1.10 | Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics | 52.250.000 | 53.817.000 | 55.432.000 | 57.094.000 | | 218.593.000 |
| 1.11 | Kinh doanh số | 44.750.000 | 46.092.000 | 47.475.000 | 48.899.000 | | 187.216.000 |
| 1.12 | Truyền thông số | 47.750.000 | 49.182.000 | 50.657.000 | 52.177.000 | | 199.766.000 |
| 2 | Chương trình do ĐHQGHN và trường đại học nước ngoài cùng cấp bằng * | | | | | | |
| 2.1 | Marketing (đồng cấp bằng)* | 80.500.000 | 80.500.000 | 80.500.000 | 80.500.000 | | 322.000.000 |
| 2.2 | Quản lý (đồng cấp bằng)* | 112.700.000 | 112.700.000 | 112.700.000 | 112.700.000 | | 450.800.000 |
| 3 | Chương trình do đối tác nước ngoài cấp bằng | | | | | | |
| 3.1 | Quản lý (LKQT) | 75.000.000 | 75.000.000 | 75.000.000 | 75.000.000 | | 300.000.000 |

Bảng 9: Thông tin về học phí

- Mức học phí này có thể điều chỉnh tăng hoặc giảm hàng năm theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và các văn bản thay thế, sửa đổi (nếu có).

- (*) Mức học phí của hai chương trình đào tạo đồng cấp bằng đã bao gồm học phí của một kỳ học ở trường đối tác nước ngoài.

- Các khoản thu được thực hiện vào đầu mỗi học kỳ theo thông báo thu của Trường, mức thu mỗi học kỳ căn cứ theo số tín chỉ đăng ký học trong kỳ hoặc tính bình quân học phí mỗi học kỳ theo kế hoạch đào tạo của Trường Quốc tế.

- Mức học phí trên không bao gồm học phí chương trình tiếng Anh dự bị, học lại, học cải thiện điểm, học vượt khung, phí phúc tra, phí thi lại và các khoản phí khác (nếu có) khi người học không đảm bảo tiến độ, điều kiện và chất lượng của chương trình đào tạo.

- Học phí chương trình đào tạo Tiếng Anh dự bị: 11.165.000 VNĐ/1 sinh viên/1 cấp độ

- Trường hợp sinh viên học lại, học bổ sung hoặc chuyển sang học cùng các khóa học tiếp theo mà khóa học này có sự thay đổi quy định về tài chính, sinh viên sẽ phải tuân thủ quy định về tài chính của khóa theo học.

10.2. Điều kiện ngoại ngữ của các chương trình

- Sinh viên chưa đạt trình độ tiếng Anh theo yêu cầu có thể tham gia học Chương trình đào tạo Tiếng Anh dự bị của Trường Quốc tế. Sinh viên chương trình do ĐHQGHN cấp bằng được học một số học phần thuộc khối kiến thức chung bằng tiếng Việt trong năm học thứ nhất. Sinh viên các chương trình đồng cấp bằng và LKQT do đối tác nước ngoài cấp bằng không được tham gia học phần nào khi chưa đạt điều kiện tiếng Anh;

- Sinh viên các chương trình đồng cấp bằng và LKQT do đối tác nước ngoài cấp bằng trúng tuyển nhưng chưa đáp ứng điều kiện về trình độ tiếng Anh đầu vào theo quy định của chương trình đào tạo sẽ được công nhận trúng tuyển có điều kiện, sinh viên chưa đạt điều kiện ngoại ngữ đầu vào có thời gian tối đa học ngoại ngữ là 1 năm kể từ khi có quyết định trúng tuyển, tới khi đạt điều kiện tiếng Anh theo yêu cầu mới được công nhận là sinh viên chính thức;

- Sau khi trúng tuyển và nhập học, để được học các học phần cốt lõi ngành trở đi trong Khung CTĐT, thí sinh cần có chứng chỉ tiếng Anh B2 theo Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của Châu Âu (KTCCA) hoặc CCTA IELTS Academic từ 5.5 (hoặc tương đương) theo yêu cầu của từng chương trình đào tạo (trừ CTĐT Ngôn ngữ Anh);

- Sinh viên các chương trình Công nghệ thông tin ứng dụng, Công nghệ tài chính và Kinh doanh số, Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics phải đạt trình độ B2 tương đương bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN) sau khi kết thúc năm thứ 2;

- Sinh viên chương trình Tự động hóa và Tin học phải đạt trình độ B2 tương đương bậc 4 theo KNLNNVN sau khi kết thúc năm thứ 3;

- Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu C1 theo KTCCA, tương đương bậc 5 theo KNLNNVN và đạt chuẩn trình độ tối thiểu B1 đối với ngoại ngữ 2 để được xét công nhận tốt nghiệp;

- Sinh viên chương trình Marketing (đồng cấp bằng) cần có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS Academic từ 5.5, B2 Aptis, TOEFL iBT từ 72 điểm) hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 4 trở lên theo KNLNNVN hoặc tương đương để được công nhận là sinh viên chính thức. Để được chuyển tiếp sang trường đối tác và được xét công nhận tốt nghiệp, sinh viên phải có CCTA IELTS Academic đạt từ 5.5 trở lên hoặc hoặc TOEFL iBT từ 72 trở lên hoặc tương đương;

- Sinh viên chương trình Quản lý (đồng cấp bằng) và Quản lý (LKQT) cần có CCTA IELTS Academic từ 5.5 hoặc chứng chỉ tiếng Anh bậc 4 theo KNLNNVN (cấp bởi các cơ sở được Bộ GDĐT cho phép) hoặc một trong các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 4 trở lên theo KNLNNVN để được công nhận là sinh viên chính thức. Để được chuyển tiếp sang trường đối tác (đối với chương trình đồng cấp bằng) sinh viên cần có CCTA IELTS Academic từ 6.0 trở lên hoặc đạt điểm học phần ENG104 từ 6.0/9.0 trở lên. Để được xét công nhận tốt nghiệp, sinh viên cần có CCTA IELTS Academic từ 6.0 trở lên hoặc chứng chỉ tiếng Anh bậc 4 theo KNLNNVN và đồng thời đạt điểm học phần ENG104 từ 6/9 điểm trở lên.

10.3. Cơ hội của sinh viên khi học tập tại Trường Quốc tế

- Được học tập và nghiên cứu trong môi trường bằng tiếng Anh với các giảng viên có trình độ cao, được tiếp cận với chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, quy trình kiểm tra đánh giá tiên tiến theo chuẩn giáo dục của các trường đại học nước ngoài; Được học các học phần có giảng viên nước ngoài trực tiếp giảng dạy (lên đến 20 - 25% các học phần chuyên ngành);

- Sinh viên Trường Quốc tế được học chương trình đào tạo thứ hai tại các trường thành viên, trực thuộc ĐHQGHN ngay trong thời gian học ngành thứ nhất:

| STT | Tên trường | Tên các chương trình đào tạo |
|-----|--------------------------|---|
| 1 | Trường Đại học Ngoại ngữ | Ngôn ngữ Anh Ngôn ngữ Nhật Ngôn ngữ Hàn Quốc |
| 2 | Trường Đại học Luật | Luật kinh doanh |
| 3 | Trường Quốc tế | Kinh doanh quốc tế Kế toán, Phân tích và Kiểm toán Hệ thống thông tin quản lý Phân tích dữ liệu kinh doanh Ngôn ngữ Anh |

- Được khai thác và sử dụng nguồn học liệu bằng tiếng nước ngoài phong phú tại Trường Quốc tế (18.293 đầu sách giáo trình và sách tham khảo) và của Trung tâm thư viện và Tri thức số, ĐHQGHN (192.186 tên sách; 400 tên tạp chí; 113.322 tên luận án, luận văn, khóa luận, báo cáo khoa học; 2.043 kết quả nghiên cứu; 187.091 giáo trình và sách số. Cơ sở dữ liệu trực tuyến: ScienceDirect, Springer, Nature, ACM, IG Publishing, Emerald;

- Được tham gia hoạt động ngoại khóa, kỹ năng mềm; có cơ hội thực tập, trải nghiệm thực tế ở các công ty, tập đoàn; tham gia các dự án khởi nghiệp thông qua các câu lạc bộ văn hóa và chuyên ngành, hệ thống dịch vụ tư vấn học tập và hướng nghiệp, các hoạt động của Đoàn thanh niên Trường Quốc tế;

- Được trao đổi học tập ngắn hạn ở nhiều trường đại học đối tác uy tín tại Pháp, Hàn Quốc, Hy Lạp, Ấn Độ, Singapore, Thái Lan, Đài Loan.

- Được công nhận tương đương kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ khi đăng ký học chuyển tiếp tại các trường đại học uy tín nước ngoài theo quy định của Trường Quốc tế như Trường ĐH Keuka (Hoa Kỳ), Trường ĐH Macquarie, Trường ĐH Curtin (Úc), Trường ĐH HELP (Malaysia), ...

- Chương trình cử nhân Kế toán, Phân tích và Kiểm toán là chương trình thứ hai tại Việt Nam được Hiệp hội Kế toán Công chứng Úc (Certified Practising Accountant Australia-CPA Australia) công nhận tại Úc, Trung Quốc, Malaysia, New Zealand, Hồng Kông và nhiều nước khác. Sinh viên tốt nghiệp chương trình này sẽ được miễn hoàn toàn 6 môn Foundation trong chương trình CPA Australia và sẽ có cơ hội trở thành Hội viên dự bị của CPA Australia ngay sau khi tốt nghiệp và bắt đầu theo học các môn chuyên ngành;

- Các chương trình đào tạo đồng cấp bằng của Trường Quốc tế giúp sinh viên mở rộng tầm nhìn, hiểu biết và phát triển các kỹ năng mềm vượt trội với một kỳ học tại nước ngoài. Sinh viên tốt nghiệp chương trình được nhận đồng thời hai bằng cử nhân từ ĐHQGHN và trường đại học nước ngoài;

- Chương trình Tự động hóa và Tin học là chương trình kỹ sư đầu tiên tại Trường Quốc tế, ĐHQGHN. Chương trình do ĐHQGHN cấp bằng, được xây dựng dựa trên chương trình Hệ thống điều khiển và Công nghệ thông tin trong Công nghiệp của Học viện Hàng không Mát-xcơ-va, LB Nga (MAI).

- Chương trình Kỹ sư Tài năng Tự động hóa và Tin học là chương trình đào tạo tiên tiến

theo định hướng tích hợp nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế trên nền tảng giáo dục STEM. Chương trình được phát triển dựa trên chương trình Control and Automation Engineering của Istanbul Technical University (ITU), Thổ Nhĩ Kỳ, nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có năng lực sáng tạo, nghiên cứu và phát triển (R&D), đồng thời thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp công nghệ. Người học được trang bị kiến thức chuyên sâu và năng lực thực hành để đáp ứng yêu cầu phát triển của các lĩnh vực công nghệ chiến lược quốc gia, bao gồm tự động hóa thông minh, trí tuệ nhân tạo, robot và hệ thống nhúng, điều khiển năng lượng số hóa, cùng các hệ thống kết nối IoT công nghiệp.

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

| STT | Mã xét tuyển | Chương trình đào tạo | Mã ngành | Năm 2024 | | | | | | | | Năm 2025 | | |
|-----|--------------|---------------------------------|----------|----------|----------|-------|-----|-------------|----------------|--------------|------|----------|----------|------------|
| | | | | Chỉ tiêu | Nhập học | THPT | HSA | IELTS + HSA | IELTS + học bạ | IELTS + THPT | SAT | Chỉ tiêu | Nhập học | Điểm chuẩn |
| 1 | QH01 | Kinh doanh quốc tế | 7340120 | 310 | 321 | 23,5 | 80 | 19,3 | 24,5 | 24,17 | 1100 | 170 | 200 | 22 |
| 2 | QH02 | Kế toán, Phân tích và Kiểm toán | 7340303 | 240 | 240 | 22,75 | 80 | 19,67 | 24,5 | 23,33 | 1120 | 150 | 140 | 20 |
| 3 | QH03 | Hệ thống thông tin quản lý | 7340405 | 140 | 142 | 22,35 | 80 | 19,43 | 24,8 | 23,33 | 1340 | 100 | 106 | 19,5 |
| 4 | QH04 | Tin học và Kỹ thuật máy tính | 7480111 | 110 | 47 | 21 | 80 | 20,05 | 25,5 | 23 | 1260 | 80 | 54 | 19,5 |
| 5 | QH05 | Phân tích dữ liệu kinh doanh | 7340125 | 110 | 118 | 24,05 | 80 | 20,18 | 25,1 | 23,6 | 1160 | 100 | 103 | 20 |
| 6 | QH06 | Marketing (đồng cấp bằng) | 7340115 | 100 | 94 | 21,5 | 83 | 19,93 | 24,5 | 23,25 | 1260 | 90 | 86 | 19,5 |
| 7 | QH07 | Quản lý (đồng cấp bằng) | 7340108 | - | - | - | - | - | - | - | - | 50 | 12 | 19 |
| 8 | QH08 | Tự động hóa và Tin học | 7510306 | 100 | 118 | 21,5 | 81 | 20,5 | 25 | 23,93 | 1130 | 100 | 70 | 19,5 |
| 9 | QH09 | Ngôn ngữ Anh | 7220201 | 100 | 97 | 25,15 | 84 | 20,2 | 25,3 | 24 | 1300 | 100 | 112 | 21 |
| 10 | QH10 | Công nghệ thông tin ứng dụng | 7480210 | 110 | 130 | 22,75 | 82 | 20,6 | 25,3 | 23 | - | 100 | 87 | 19,5 |

| STT | Mã xét tuyển | Chương trình đào tạo | Mã ngành | Năm 2024 | | | | | | | | Năm 2025 | | |
|-----|--------------|--|----------|----------|----------|-------|-------|-------------|----------------|--------------|------|----------|----------|------------|
| | | | | Chỉ tiêu | Nhập học | THPT | HSA | IELTS + HSA | IELTS + học bạ | IELTS + THPT | SAT | Chỉ tiêu | Nhập học | Điểm chuẩn |
| 11 | QHQ11 | Công nghệ tài chính và Kinh doanh số | 7480209 | 110 | 122 | 23,3 | 81 | 19,43 | 24,8 | 23,25 | 1270 | 90 | 90 | 19,5 |
| 12 | QHQ12 | Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics | 7520139 | 70 | 87 | 23,35 | 80 | 20,47 | 24,6 | 23,08 | 1130 | 70 | 58 | 19,5 |
| 13 | QHQ13 | Kinh doanh số | 73401A1 | 100 | 116 | 25,15 | 81,25 | - | 24,83 | 23,3 | - | 50 | 64 | 21 |
| 14 | QHQ14 | Truyền thông số | 7320111 | 100 | 112 | 25,17 | 81 | - | 24,63 | 23,0 | - | 50 | 45 | 22 |
| 15 | | Quản lý (LKQT) | | - | - | - | - | - | - | - | - | 70 | 65 | 20 |

Bảng 10: Thông tin về tuyển sinh của năm 2024, 2025

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Cán bộ tuyển sinh

Nguyễn Thị Mai Sim

ĐT: 0379.884.488

Email: simntm@vnu.edu.vn

Phùng Danh Thắng

Chủ tịch HĐTS đại học năm 2026

PHỤ LỤC I. BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi)

Ngày nhận:/...../.....

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Họ và tên thí sinh (viết chữ in hoa): 2. Giới tính:

3. Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... 4. Nơi sinh (Tỉnh/TP): 5. Dân tộc:

6. Điện thoại: 7. Email:

8. Thông tin CMND/thẻ CCCD:

Số CMND/CCCD: Ngày cấp: Nơi cấp:

9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học trung học phổ thông (THPT):

Tỉnh/Thành: Quận/Huyện/Thị xã: Xã/Phường/Thị trấn:

10. Thông tin về quá trình học tập tại trường THPT:

10.1. Nơi học THPT hoặc tương đương

- Năm lớp 10: Năm lớp 11:

- Năm lớp 12: Năm tốt nghiệp THPT:

10.2. Kết quả học tập và hạnh kiểm bậc THPT

- Kết quả học tập năm lớp 10: Hạnh kiểm:

- Kết quả học tập năm lớp 11: Hạnh kiểm:

- Kết quả học tập năm lớp 12: Hạnh kiểm:

11. Thành tích học tập:

- Môn đoạt giải: Năm đoạt giải:

Loại giải/huy chương:

- Thành tích khác (nếu có):
.....
.....

12. Thông tin ngành học đăng ký xét tuyển thặng:

| Thứ tự ưu tiên | Mã xét tuyển | Tên ngành |
|----------------|--------------|-----------|
| 1 | | |
| 2 | | |
| ... | | |

13. Thông tin liên lạc của người thân:

13.1. Họ và tên người thân: 13.2. Quan hệ với thí sinh:

13.3. Điện thoại của người thân:

13.4. Địa chỉ:

14. Hồ sơ đăng ký xét tuyển bao gồm:

- Phiếu ĐKXT theo mẫu của Trường Quốc tế (*khai báo trực tuyến*);
- Bản scan từ bản gốc các chứng nhận giải thưởng/thành tích/chứng chỉ đạt được;
- Bản scan từ bản gốc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT (*tạm thời*) năm 2026 hoặc Bằng tốt nghiệp THPT (*đối với thí sinh tốt nghiệp trước 2026*);
- Bản scan từ bản gốc/bản công chứng Học bạ THPT;
- Bản scan từ bản gốc CCCD;
- Ảnh chân dung cỡ 3x4cm;
- Giấy tờ khác (nếu có):

.....

Tôi cam đoan đã tìm hiểu kỹ thông tin về chương trình ĐKXT, cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GDĐT, Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy của ĐHQGHN và của Trường Quốc tế năm 2026. Tôi cam đoan những thông tin khai trên là hoàn toàn chính xác. Nếu có sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp 12 trường THPT..... đã khai đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2026
BAN GIÁM HIỆU NHÀ TRƯỜNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2026
Thí sinh
(ký, ghi rõ họ và tên)